TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN** Bản án số: 32/2026/HNGĐ - ST Ngày: 11/02/2026 Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thịnh.

Bà Lê Thị Thanh Thuỷ.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký Toà án nhân dân khu vực - Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HN&GĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐST-HN&GĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị M, sinh năm: 1994 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Khối Đ, phường T, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040194030424

Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Trú tại: Khối Đ, phường T, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040086029016

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Hồ Thị M trình bày:

Chị và bị đơn anh Trần Xuân H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2014 tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND phường T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống bình thường, hạnh phúc. Từ năm tháng 6/2023 đến nay, chị và anh H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H đi làm ăn tại Hàn Quốc không liên lạc, quan tâm đối với vợ con; không có trách nhiệm

với gia đình; không gửi tiền về cho chị để nuôi các con mà để mặc chị một mình xoay xở, gồng gánh để chăm sóc, nuôi dạy 04 con; lo toan công việc gia đình. Hiện nay anh H đang làm việc ở Hàn Quốc, không liên lạc với vợ con; không cho vợ con; người thân trong gia đình biết địa chỉ cụ thể của anh H đang làm gì, ở đâu. Chị cũng đã nhiều lần tìm cách để liên lạc với anh H nhưng không được.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân H.

Về con: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 22/9/2014; Trần Thị Ngọc C, sinh ngày 15/9/2017; Trần Xuân Ta M1, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Tuệ N, sinh ngày 10/4/2023. Hiện nay chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 04 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành vì các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị yêu cầu anh Trần Xuân H cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 15.000.000đ cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Trần Xuân H đang làm ăn tại Hàn Quốc nên không có điều kiện, thời gian để gần gũi, chăm sóc các con.

Hiện nay, chị đang làm lao động tự do tại phường T; thu nhập hàng tháng từ 8 đến 10 triệu đồng. Chị đã có nhà ở ổn định. Chị cam kết dành điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng các con khôn lớn, trưởng thành. Vợ chồng không ai có con riêng.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Xuân H, gia đình anh H đã nhận và đã gửi trực tiếp cho anh H. Anh H cũng đã biết được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn, giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung của chị M.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An phát biểu ý kiến như sau: - Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Xử cho chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Trần Xuân H.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung là Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 22/9/2014; Trần Thị Ngọc C, sinh ngày 15/9/2017; Trần Xuân Ta M1, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Tuệ N, sinh ngày 10/4/2023 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho chị M và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc các con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung gì đáng kể, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị M phải nạp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nạp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hồ Thị M với bị đơn anh Trần Xuân H. Hiện tại bị đơn anh Trần Xuân H đang có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại khối Đ, phường T, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc cũng như để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà lần thứ nhất, vắng mặt lần thứ hai nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị M, anh Trần Xuân H đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2014 tại UBND xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND phường T, tỉnh Nghệ An) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp tuân

thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi làm ăn tại Hàn Quốc không liên lạc, quan tâm đối với vợ con; không có trách nhiệm với gia đình; không gửi tiền về cho chị để nuôi các con mà để mặc chị một mình xoay xở, gồng gánh để chăm sóc, nuôi dạy 04 con; lo toan công việc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng sống không có tình cảm, mâu thuẫn liên tục sâu sắc và ngày càng trầm trọng hơn. Hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau, bản thân chị M, anh H hiện đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay và không còn liên lạc hỏi han, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do anh H không tham gia làm việc tại Tòa án nên Tòa án không thể phân tích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Chị M xin ly hôn anh H, anh H không trình bày ý kiến, qua quá trình xác minh tại gia đình của anh H cũng đã thể hiện anh H không còn quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hồ Thị M được ly hôn anh Trần Xuân H.

[2.2] Về con chung: Chị Hồ Thị M, anh Trần Xuân H có 04 con chung là Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 22/9/2014; Trần Thị Ngọc C, sinh ngày 15/9/2017; Trần Xuân Ta M1, sinh ngày 18/7/2019 và Trần Tuệ N, sinh ngày 10/4/2023. Các con chung hiện nay đang ở với chị M. Tại bản tự khai của các con chung Trần Thị Ngọc H1 và Trần Thị Ngọc C đều có lời trình bày nguyện vọng xin ở với mẹ để ổn định nơi ở, sinh hoạt cũng như học tập, cũng như ổn định cuộc sống. Chị M cũng có lời trình bày xin được nuôi cả 04 con chung và có đủ khả năng cũng như điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục các con chung khôn lớn trưởng thành. Ngoài ra, hiện nay anh đang đi làm ăn tại Hàn Quốc không biết ở đâu, làm gì, không có thời gian cũng như điều kiện để chăm sóc các con chung khôn lớn trưởng thành. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cũng như tôn trọng nguyện vọng của các con chung, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị M nuôi con. Nên giao các con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc. nuôi dưỡng. Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung sau khi đã ly hôn là phù hợp theo Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 15.000.000đ cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Xét yêu cầu của chị M về cấp dưỡng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên hiện nay anh Trần Xuân H đang ở Hàn Quốc không biết địa chỉ cụ thể, ở đâu, làm gì thu nhập bao nhiêu. Chị M cũng không có các tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập

hàng tháng của anh H. Do không có căn cứ chứng minh thu nhập của anh H, cũng không có địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H nên việc buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M là không phù hợp, gây khó khăn trong công tác thi hành án sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị M. Sau này biết được địa chỉ nơi ở, cũng như chứng minh được thu nhập của anh H thì chị M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Xuân H trong một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết chị Hồ Thị M không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Anh Trần Xuân H không có lời trình bày về việc chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu chị M, anh H có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

[2.4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Hồ Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nạp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 57, 58, và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị M được ly hôn anh Trần Xuân H.

Về con chung: Giao các con chung là Trần Thị Ngọc H1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 22/9/2014; Trần Thị Ngọc C (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/9/2017; Trần Xuân Ta M1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 18/7/2019 và Trần Tuệ N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/4/2023 cho chị Hồ Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M và có quyền, đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị M, anh H nếu có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện vụ án chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Hồ Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0001525 ngày 17/10/2025. Chị M đã nạp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Tân Mai;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Huy